

Preparer Q TTN
 Reviewer HTH
 Referencing date: 28.03.2023
 Section N, EH

EH 602.1

N 301.1



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH LÓP KUMHO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô D-3-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Chi nhánh Ngân hàng Bình Dương

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0281000229039	VND	24,507,035,666	24,507,035,666	0.200
0281370229040	USD	20,533,073.91	483,964,552,058.70	0.000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001031752841	VND	3,018,793,470	3,018,793,470	3.800	3 (M)
0001019745359	VND	3,398,771,200	3,398,771,200	4.600	12 (M)
0001034033136	VND	2,275,560,000	2,275,560,000	6.200	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Loại tiền	Giá trị TSBĐ
035BL22-KUMHO	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	VND	2,275,560,000
062BL21	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	VND	3,398,771,200

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
054B22-KUMHO	1032347449	USD	116,160.00	2,737,891,200.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033025249	USD	134,825.32	3,177,832,792.40	6 (M)
109B22-KUMHO	1032978197	USD	141,004.68	3,323,480,307.60	6 (M)
109B22-KUMHO	1033089052	USD	541,684.48	12,767,503,193.60	6 (M)
109B22-KUMHO	1032978066	USD	581,107.42	13,696,701,889.40	6 (M)
109B22-KUMHO	1032914857	USD	624,213.42	14,712,710,309.40	6 (M)
109B22-KUMHO	1033089869	USD	1,400,000.00	32,998,000,000.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033088736	USD	848,373.27	19,996,157,973.90	6 (M)
109B22-KUMHO	1033757231	USD	620,950.00	14,635,791,500.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1032877698	USD	208,560.00	4,915,759,200.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033198867	USD	2,363,222.97	55,701,165,402.90	6 (M)
109B22-KUMHO	1033117280	USD	609,941.74	14,376,326,811.80	6 (M)
109B22-KUMHO	1033655030	USD	282,410.00	6,656,403,700.00	6 (M)
011BTT22-KUMHO	1033629087	USD	3,269,262.76	77,056,523,253.20	75 (D)
109B22-KUMHO	1033791547	USD	60,800.00	1,433,056,000.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033791478	USD	86,070.60	2,028,684,042.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033791405	USD	817,144.02	19,260,084,551.40	6 (M)
109B22-KUMHO	1033267714	USD	817,228.37	19,262,072,680.90	6 (M)
054B22-KUMHO	1032347229	USD	766,700.00	18,071,119,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029766251	USD	731,337.47	17,237,624,167.90	6 (M)
109B22-KUMHO	1032945816	USD	318,812.53	7,514,411,332.10	6 (M)
054B22-KUMHO	1031332314	USD	799,512.00	18,844,497,840.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029613236	USD	774,657.58	18,258,679,160.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1031615698	USD	357,576.00	8,428,066,320.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033925819	USD	829,006.00	19,539,671,420.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031159903	USD	408,008.68	9,616,764,587.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1029664513	USD	815,259.18	19,215,658,872.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1030628475	USD	388,248.00	9,151,005,360.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030432829	USD	638,364.12	15,046,242,308.40	6 (M)
054B22-KUMHO	1030273852	USD	1,720,552.00	40,553,410,640.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029886855	USD	322,655.26	7,604,984,478.20	6 (M)
054B22-KUMHO	1029939027	USD	826,253.08	19,474,785,095.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1029558393	USD	778,286.00	18,344,201,020.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029912281	USD	185,419.50	4,370,337,615.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029516818	USD	248,160.00	5,849,131,200.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029708227	USD	88,440.00	2,084,530,800.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033231465	USD	382,360.00	9,012,225,200.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033820233	USD	269,551.80	6,353,335,926.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1034024908	USD	274,768.50	6,476,293,545.00	6 (M)
011BTT22-KUMHO	1033902016	USD	3,853,959.80	90,837,832,486.00	75 (D)
109B22-KUMHO	1033925977	USD	690,452.02	16,273,954,111.40	6 (M)
054B22-KUMHO	1033994874	USD	289,185.91	6,816,111,898.70	6 (M)
054B22-KUMHO	1033993290	USD	2,277,923.73	53,690,662,316.10	6 (M)
109B22-KUMHO	1032916657	USD	370,913.51	8,742,431,430.70	6 (M)
054B22-KUMHO	1030988311	USD	1,204,849.68	28,398,306,957.60	6 (M)
109B22-KUMHO	1032915137	USD	484,377.60	11,416,780,032.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033059689	USD	160,119.42	3,774,014,729.40	6 (M)
109B22-KUMHO	1032914955	USD	164,430.50	3,875,626,885.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1032914990	USD	1,247,914.58	29,413,346,650.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1032703698	USD	235,187.62	5,543,372,203.40	6 (M)
109B22-KUMHO	1033141593	USD	675,518.69	15,921,975,523.30	6 (M)
109B22-KUMHO	1033417721	USD	877,972.58	20,693,813,710.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1032347093	USD	307,272.00	7,242,401,040.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1032271158	USD	309,427.20	7,293,199,104.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031363500	USD	71,957.09	1,696,028,611.30	6 (M)

054B22-KUMHO	1031748973	USD	364,148.26	8,582,974,488.20	6 (M)
054B22-KUMHO	1029766377	USD	204,000.00	4,808,280,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029766516	USD	430,328.18	10,142,835,202.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1029819299	USD	747,408.51	17,616,418,580.70	6 (M)
054B22-KUMHO	1029877533	USD	109,836.52	2,588,846,776.40	6 (M)
054B22-KUMHO	1030273670	USD	481,848.60	11,357,171,502.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029913590	USD	701,427.90	16,532,655,603.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030779310	USD	774,083.08	18,245,138,195.60	6 (M)
054B22-KUMHO	1031364094	USD	1,031,725.34	24,317,766,263.80	6 (M)
054B22-KUMHO	1031235944	USD	768,640.00	18,116,844,800.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030929823	USD	707,660.00	16,679,546,200.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030560364	USD	1,095,387.30	25,818,278,661.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030628225	USD	712,668.60	16,797,598,902.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1029664715	USD	1,005,810.85	23,706,961,734.50	6 (M)
054B22-KUMHO	1029877619	USD	264,830.00	6,242,043,100.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033310684	USD	32,000.00	754,240,000.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033231343	USD	1,181,366.11	27,844,799,212.70	6 (M)
054B22-KUMHO	1030316414	USD	165,600.00	3,903,192,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030242318	USD	285,225.29	6,722,760,085.30	6 (M)
054B22-KUMHO	1029558566	USD	290,197.67	6,839,959,081.90	6 (M)
054B22-KUMHO	1030346035	USD	140,800.00	3,318,656,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030780239	USD	638,000.00	15,037,660,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030378078	USD	533,161.66	12,566,620,326.20	6 (M)
054B22-KUMHO	1030222449	USD	356,400.00	8,400,348,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030222595	USD	710,167.77	16,738,654,338.90	6 (M)
054B22-KUMHO	1029789353	USD	340,000.00	8,013,800,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031519553	USD	309,427.20	7,293,199,104.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031099376	USD	617,241.00	14,548,370,370.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031411741	USD	863,493.90	20,352,551,223.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1033997390	USD	1,862,996.94	43,910,837,875.80	6 (M)
109B22-KUMHO	1033851808	USD	66,125.00	1,558,566,250.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033268991	USD	1,425,407.78	33,596,861,374.60	6 (M)
109B22-KUMHO	1033417539	USD	448,800.00	10,578,216,000.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033025580	USD	208,560.00	4,915,759,200.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033626895	USD	215,724.60	5,084,628,822.00	6 (M)
109B22-KUMHO	1033687677	USD	258,959.39	6,103,672,822.30	6 (M)
011BTT22-KUMHO	1033820823	USD	1,075,289.96	25,344,584,357.20	174 (D)
054B22-KUMHO	1031014612	USD	477,000.00	11,242,890,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1030433119	USD	595,996.80	14,047,644,576.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031014899	USD	495,000.00	11,667,150,000.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031812009	USD	944,157.72	22,253,797,460.40	6 (M)
054B22-KUMHO	1032240342	USD	152,919.90	3,604,322,043.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031411877	USD	995,192.92	23,456,697,124.40	6 (M)
054B22-KUMHO	1031159778	USD	309,427.20	7,293,199,104.00	6 (M)
054B22-KUMHO	1031062488	USD	309,427.20	7,293,199,104.00	6 (M)
Tổng cộng			64,372,217.83	1,517,253,174,253.10	

EH 60%

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
VC0280000056	VND	73,017,215	73,017,215
VC0280000131	VND	8,056,110	8,056,110
VC0280000033	VND	33,613,326	33,613,326

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
ILC2214652	1633015	USD	820,500.00	19,339,185,000.00	Thư tín dụng
ILC2213440	1633015	USD	119,920.00	2,826,514,400.00	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2213836	1633015	USD	119,920.00	2,826,514,400.00	Thư tín dụng
ILC2213439	1633015	USD	46,443.84	1,094,681,308.80	Thư tín dụng
ILC2213974	1633015	USD	114,454.00	2,697,680,780.00	Thư tín dụng
ILC2214581	1633015	USD	564,019.20	13,293,932,544.00	Thư tín dụng
ILC2214583	1633015	USD	69,444.00	1,636,795,080.00	Thư tín dụng
ILC2213864	1633015	USD	89,334.37	2,105,611,100.90	Thư tín dụng
IGT2263632	1632983	VND	2,275,560,000	2,275,560,000	Bảo lãnh khác
IGT2210015	1359616	VND	3,398,771,200	3,398,771,200	Bảo lãnh khác
ILC2214213	1633015	USD	84,377.60	1,988,780,032.00	Thư tín dụng
ILC2211696	1633015	USD	634,145.00	14,946,797,650.00	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211367	1633015	USD	1,000,450.50	23,580,618,285.00	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Ghi chú: Từ mục (a) đến mục (i), tỷ giá quy đổi áp dụng 23,570

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng



(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [] Không đúng []

Đỗ Thị Thanh Huyền

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Chi nhánh Bình Dương

Giám đốc **Phó Giám Đốc**



Đặng Thị Hương





Preparer

QTIN

Reviewer

HTH

Referencing date : 22.03.2023

Section N

N301.2



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ:

Tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Ngân hàng:

Vietcombank CN Kỳ Đồng

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Đề việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0721370548822	USD	1.746.690,90	41.169.504.513,00	0,00%
0721000529125	VND	54.885.490.741	54.885.490.741	0,20%

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001033105511	VND	100.000.000.000	100.000.000.000	7,00%	7 tháng
0001032201006	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	5,00%	5 tháng
0001031544200	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	6,50%	12 tháng
0001029255048	VND	100.000.000.000	100.000.000.000	4,00%	7 tháng
0001031547732	VND	100.000.000.000	100.000.000.000	6,50%	12 tháng
0001030679032	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	4,30%	7 tháng
0001029761402	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	4,30%	7 tháng
0001029207989	VND	100.000.000.000	100.000.000.000	4,00%	7 tháng
0001029488355	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	5,50%	12 tháng
0001030737229	VND	100.000.000.000	100.000.000.000	4,30%	7 tháng
0001030678919	VND	100.000.000.000	100.000.000.000	4,30%	7 tháng
Tổng		1.600.000.000.000	1.600.000.000.000		

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng: *Nh*

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
VP0720000417	VND	13.409.418	13.409.418
VP0720000416	VND	30.283.825	30.283.825

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

*Đây là số dư thẻ tín dụng doanh nghiệp cho cá nhân, ký giả không
hợp đồng I (hợp đồng này do chia sẻ từ sau ICe)*

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022
Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng

M.S.D.N: 3500102710-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
-CÔNG TY CỔ PHẦN
H.NHÀ BẾP - PHÒNG KHÍ
Nguyễn Công Luận
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đúng [] Không đúng []

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Trương Anh Tuấn



Preparer : QTTN

Reviewer : HTH

Referencing date: 28.03.2023

Section: N, EH, OBS

EH 6Q.3

N301.3

Z301.3

09

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY TNHH GANG THÉP HƯNG NGHIỆP FORMOSA

Địa chỉ: Khu Kinh tế Vũng Áng, Phường Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh

Chi nhánh Ngân hàng: Hà Tĩnh

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng: ✓

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000000269971	VND	5,048,809	5,048,809	0.002
0000011562145	EUR	122.00	3,084,148.41	0.000
0000000931512	USD	23,065,980.46	543,665,159,442.20	0.000
0000013267167	VND	39,929,513,188	39,929,513,188	0.010

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng: ✓

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001030082894	VND	600,000,000,000	600,000,000,000	0.050	6 (M)
0001029480499	VND	250,000,000,000	250,000,000,000	0.060	12 (M)
0001029407052	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	0.060	12 (M)
0001029735414	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	0.060	12 (M)
0001029459313	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	0.060	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):



(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
100/22/NH/KHDN	1031181733	USD	17,000,000	400,690,000,000	5 (M)
100/22/NH/KHDN	1031112493	USD	22,000,000	518,540,000,000	6 (M)
100/22/NH/KHDN	1029908173	USD	17,000,000	400,690,000,000	6 (M)
100/22/NH/KHDN	1033784663	USD	19,000,000	447,830,000,000	6 (M)
100/22/NH/KHDN	1029705119	USD	25,000,000	589,250,000,000	6 (M)
100/22/NH/KHDN	1029857544	USD	23,000,000	542,110,000,000	6 (M)
100/22/NH/KHDN	1032759904	USD	16,000,000	377,120,000,000	6 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602.

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
ILC2212920	1482717	USD	112,561.44	2,653,073,140.80	Thư tín dụng
ILC2211075	1482717	USD	181,920.53	4,287,866,892.10	Thư tín dụng
ILC2212928	1482717	USD	55,062.00	1,297,811,340.00	Thư tín dụng
ILC2214253	1482717	USD	7,779,686.55	183,367,211,983.50	Thư tín dụng
ILC2214255	1482717	USD	11,661,186.32	274,854,161,562.40	Thư tín dụng
ILC2212924	1482717	USD	1,088,892.00	25,665,184,440.00	Thư tín dụng
ILC2213740	1482717	USD	30,474,990.00	718,295,514,300.00	Thư tín dụng
ILC2214636	1482717	USD	25,448,150.00	599,812,895,500.00	Thư tín dụng
ILC2212901	1482717	USD	39,844.35	939,131,329.50	Thư tín dụng
ILC2214380	1482717	USD	16,934,044.37	399,138,428,800.90	Thư tín dụng
ILC2214152	1482717	VND	188,397,000,000.00	188,397,000,000.00	Thư tín dụng
ILC2214638	1482717	USD	19,015,871.07	448,204,081,119.90	Thư tín dụng
ILC2212128	1482717	USD	24,581.04	579,375,112.80	Thư tín dụng

Z304

ILC2212583	1482717	USD	302,533.50	7,130,714,595.00	Thư tín dụng
ILC2211782	1482717	VND	951,736,500.00	951,736,500.00	Thư tín dụng
ILC2212922	1482717	USD	37,973.92	895,045,294.40	Thư tín dụng
ILC2212131	1482717	USD	1,495,693.81	35,253,503,101.70	Thư tín dụng
ILC2212832	1482717	USD	18,306.81	431,491,511.70	Thư tín dụng
ILC2212915	1482717	USD	350,652.49	8,264,879,189.30	Thư tín dụng
ILC2110557	1482717	EUR	33,300.00	841,820,836.50	Thư tín dụng
ILC2213253	1482717	USD	27,292,320.00	643,279,982,400.00	Thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

Điện thoại:

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Người nhận:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2023

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng Không đúng []



Preparer : QTTN
 Reviewer : HTB
 Referring date: 28.03.2023
 Section : N, EH

EH602.4

Nsol. 4

Vietcombank
Chung niềm tin vững tương lai



Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH CAPITALAND - THIÊN ĐỨC
Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Deutsches Haus, 33 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
Chi nhánh Ngân hàng: Nam Bình Dương

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001024745940	VND	116,872,384,321	116,872,384,321	0.002
0000010925891	VND	140,805,425	140,805,425	0.002
0001026279677	VND	10,497,082,249	10,497,082,249	0.002
0000008948401	VND	10,387,353,764	10,387,353,764	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): NSOL

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001031557470	VND	15,000,000,000	15,000,000,000	0.050	3 (M)
0001031942484	VND	120,000,000,000	120,000,000,000	0.050	2 (M)
0001033146191	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	0.060	2 (M)
0001033626116	VND	60,000,000,000	60,000,000,000	0.060	3 (M)
0001031068553	VND	40,000,000,000	40,000,000,000	0.035	6 (M)
0001033625973	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	0.060	1 (M)
0001033338039	VND	60,000,000,000	60,000,000,000	0.060	3 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): NSOL

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ
007/CAP-VCB/DTDA/2022	Tiền trên tài khoản thanh toán tại VCB	1.00

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH NAM BÌNH DƯƠNG

Số 121, đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: +84 274 7307777 | Fax: +84 274 3713851 / +84 274 3765197

Swift code: BFTVNVX041 | www.vietcombank.com.vn

007/CAP-VCB/DTDA/2022	Tiền trên tài khoản thanh toán tại VCB	1.00
007/CAP-VCB/DTDA/2022	Tiền trên tài khoản thanh toán tại VCB	1.00

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
007/CAP-VCB/DTDA/2022	1029906383	VND	22,053,464,050	22,053,464,050	36 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

EH602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
IGT2246115	1670233	VND	16,749,927,119	16,749,927,119	Bảo lãnh khác

112437

GÂN HÀNG
NG MẠI CỔ
HAI THƯC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH
NAM BÌNH DƯƠNG

N.T. BÌNH

110742

ÔNG TÙY
TNHH
ITALIA
HIỀN ĐỨC

PHỐ HỒ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):
.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:
Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:
0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:
Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:
Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng



(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng Không đúng

IC: Toán Trưởng

Trịnh Hoàng Gia



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Bình



5

Preparer : QTTN

Reviewer : HTH

Referencing date: 28.08.2023

Section . N, EH

EH6Q.5

N301.5



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CTY TNHH SAILUN VIET NAM

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng: Tây Ninh

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000011851547	VND	16,019,231,198	16,019,231,198	0.002
0000011883386	USD	10,503,059.77	247,557,118,778.90	0.000
0001023349253	EUR	33,169.02	838,509,674.54	0.000
0001019813453	VND	102,393,277,791	102,393,277,791	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ
Ký quỹ phát hành LC	Tiền trên tài khoản thanh toán tại VCB	101,964,680,000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
035-CV/TNBB/22NH	1033391095	USD	982,980.00	23,168,838,600.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033481795	USD	506,886.00	11,947,303,020.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032914870	USD	1,727,315.30	40,712,821,621.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032499425	USD	460,645.00	10,857,402,650.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032343499	USD	2,179,843.11	51,378,902,102.70	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032530447	USD	389,595.00	9,182,754,150.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033447089	USD	1,082,710.28	25,519,481,299.60	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032703292	USD	347,889.00	8,199,743,730.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031354635	USD	414,594.00	9,771,980,580.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031483992	USD	3,980,345.03	93,816,732,357.10	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031326036	USD	1,204,518.63	28,390,504,109.10	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031188782	USD	599,852.54	14,138,524,367.80	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032306740	USD	481,800.00	11,356,026,000.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031717351	USD	2,132,000.00	50,251,240,000.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031925867	USD	781,215.71	18,413,254,284.70	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031680867	USD	1,010,612.23	23,820,130,261.10	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032045832	USD	396,047.80	9,334,846,646.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031961780	USD	1,162,060.38	27,389,763,156.60	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1030274478	USD	1,838,009.05	43,321,873,308.50	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1029787086	USD	455,726.30	10,741,468,891.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1029589263	USD	2,045,000.00	48,200,650,000.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1030277550	USD	246,460.00	5,809,062,200.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1030036878	USD	1,213,753.20	28,608,162,924.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032741623	USD	444,988.00	10,488,367,160.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032670597	USD	493,916.00	11,641,600,120.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031646371	USD	1,729,782.00	40,770,961,740.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033565653	USD	1,302,153.20	30,691,750,924.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033418772	USD	1,667,462.50	39,302,091,125.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033339617	USD	374,850.00	8,835,214,500.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1029816213	USD	342,127.80	8,063,952,246.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1030006537	USD	3,453,958.35	81,409,798,309.50	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1029669840	USD	941,937.80	22,201,473,946.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032974027	USD	2,000,509.47	47,152,008,207.90	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032672365	USD	571,761.41	13,476,416,433.70	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033897971	USD	643,449.20	15,166,097,644.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032266953	USD	147,073.95	3,466,533,001.50	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031844919	USD	453,589.80	10,691,111,586.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032207556	USD	11,416,018.42	269,075,554,159.40	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031702319	USD	279,667.38	6,591,760,146.60	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031299964	USD	1,202,867.20	28,351,579,904.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032155841	USD	259,253.00	6,110,593,210.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032013380	USD	2,946,259.00	69,443,324,630.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032273859	USD	850,671.00	20,050,315,470.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032121822	USD	811,699.32	19,131,752,972.40	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031850710	USD	751,755.00	17,718,865,350.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031853294	USD	19,715,571.75	464,696,026,147.50	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1031962132	USD	254,255.00	5,992,790,350.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1030243070	USD	327,600.00	7,721,532,000.00	6 (M)

EH 602

044-CV/TNBB/21NH	1029562651	USD	1,492,000.00	35,166,440,000.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1029641058	USD	1,964,400.00	46,300,908,000.00	6 (M)
044-CV/TNBB/21NH	1029669694	USD	713,080.00	16,807,295,600.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032531106	USD	501,312.43	11,815,933,975.10	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032705667	USD	1,574,285.81	37,105,916,541.70	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032867069	USD	1,187,196.00	27,982,209,720.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033139793	USD	142,920.00	3,368,624,400.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032634176	USD	3,162,197.61	74,532,997,667.70	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032633736	USD	1,501,729.00	35,395,752,530.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1032565272	USD	269,829.00	6,359,869,530.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033957078	USD	16,111,981.03	379,759,392,877.10	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033625596	USD	1,227,895.00	28,941,485,150.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033422313	USD	969,264.00	22,845,552,480.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033658010	USD	1,710,764.46	40,322,718,322.20	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033111307	USD	635,250.00	14,972,842,500.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033020809	USD	452,500.00	10,665,425,000.00	6 (M)
035-CV/TNBB/22NH	1033086141	USD	667,997.40	15,744,698,718.00	6 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH60X

137-0
HÀNG
ÁI THƯ
NAM
HÂN
NINH

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

ILC2016311	989853	JPY	315,000,000	56,336,175,000	Thư tín dụng
ILC2208889	1702637	USD	2,258,700	53,237,559,000	Thư tín dụng
ILC2201143	1504227	EUR	45,000	1,137,595,725	Thư tín dụng
ILC2016645	990280	JPY	294,000,000	52,580,430,000	Thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
 Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
 Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
 Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
 Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022
 Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Preparer : QTN
 Reviewer : HTH
 Referencing date: 28/03/2023
 Section : N, EH, OBS

EH602.6
 NS01.6
 Z301.6

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH HAI LINH
 Địa chỉ:
 Chi nhánh Ngân hàng: Phú Thọ (Việt Trì)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000007319916	USD	215,73	5.084.756,10	0,000
0000012732425	EUR	208,14	5.261.759,43	0,000
0000003931454	VND	886.275	886.275	0,002
0000003619829	VND	7.810.090.872	7.810.090.872	0,002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001023732189	VND	50.000.000.000	50.000.000.000	0,058	12 (M)
0001023731979	VND	50.000.000.000	50.000.000.000	0,058	12 (M)
0001027357604	VND	102.582.398.162	102.582.398.162	0,051	3 (M)
0001023732241	VND	50.000.000.000	50.000.000.000	0,058	12 (M)
0001023304772	VND	35.000.000.000	35.000.000.000	0,058	12 (M)
0001023732071	VND	25.000.000.000	25.000.000.000	0,058	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ
HDUTCV/VCBPH-CB/02	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	100.000.000.000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):



W
14

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
22BB/DN-DB/NHHM59	1033414523	VND	18.245.595.230	18.245.595.230	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1033084248	VND	210.486.471.800	210.486.471.800	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032906781	VND	185.274.931.500	185.274.931.500	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1033820049	VND	47.940.000.000	47.940.000.000	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1031878161	VND	140.005.000.000	140.005.000.000	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032964766	VND	150.000.000.000	150.000.000.000	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032672766	VND	205.232.956.500	205.232.956.500	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1033388030	VND	127.908.202.348	127.908.202.348	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1033853661	VND	44.515.410.412	44.515.410.412	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032499615	VND	50.000.000.000	50.000.000.000	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032634768	VND	140.588.888.450	140.588.888.450	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032832655	VND	207.517.965.600	207.517.965.600	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032742364	VND	80.000.000.000	80.000.000.000	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1031673001	VND	94.466.561.458	94.466.561.458	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032113652	VND	4.112.775.181	4.112.775.181	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1032534093	VND	117.000.000.000	117.000.000.000	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1033597099	VND	213.769.986.500	213.769.986.500	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1033017036	VND	129.264.509.084	129.264.509.084	88 (D)
22BB/DN-DB/NHHM59	1031810776	VND	119.440.000.000	119.440.000.000	88 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
HDUTCV/VCBPH-T-CB/02	1033510170	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	88 (D)
HDUTCV/VCBPH-T-CB/02	1033481788	VND	200.000.000.000	200.000.000.000	88 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
ILC2214199	1682953	VND	124.266.846.570	124.266.846.570	Thư tín dụng
ILC2214346	1682953	VND	220.636.297.916	220.636.297.916	Thư tín dụng
ILC2211581	1682953	VND	112.178.339.852	112.178.339.852	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211816	1682953	VND	256.080.436.469	256.080.436.469	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

2301

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 6315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng
CÔNG TY
TNHH
HẢI LINH

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [] Không đúng []

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hương

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

NGÂN HÀNG TMCP
NGOÀI THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
CHI NHANH
PHÚ THỌ

(điền tên chức vụ GD/PGĐ CN)

GIÁM ĐỐC
Văn Tiến Thành

Y
NH
PHÚ THỌ

Preparer : QTN
 Reviewer : HTH
 Referencing date : 28.03.2023
 Section : N, EH, Z

EH 602.7
 NS01.7
 Z301.7



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT CP TẬP ĐOÀN THIEN MINH DUC

Địa chỉ: Số 2A Lê Mao, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Chi nhánh Ngân hàng: Nghệ An (Vinh)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng/Vietcombank”) đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000013601994	VND	200.009.140.880	200.009.140.880	0,002
0000006367157	VND	12.315.292	12.315.292	0,002
0000004546896	VND	2.142.631	2.142.631	0,002
0000007484227	USD	169.565,72	3.996.664.020,40	0,000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): NS01

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001014744875	VND	6.605.342.667	6.605.342.667	0,057	6 (M)
0001029415346	VND	15.000.000.000	15.000.000.000	0,046	12 (M)
0001031854264	VND	10.000.000.000	10.000.000.000	0,038	3 (M)
0001014832310	VND	5.544.851.300	5.544.851.300	0,046	12 (M)
0001022672309	VND	59.128.506.932	59.128.506.932	0,037	6 (M)
0001020068093	VND	52.782.246.131	52.782.246.131	0,041	6 (M)
0001022785948	VND	52.300.000.000	52.300.000.000	0,047	12 (M)
0001031559659	VND	30.373.972.603	30.373.972.603	0,060	3 (M)

0001033468584	VND	28.000.000.000	28.000.000.000	0,060	1 (M)
00010145372561	VND	144.138.800.000	144.138.800.000	0,046	12 (M)
00010126931791	VND	38.828.850.312	38.828.850.312	0,037	6 (M)
0000015768116	VND	11.345.726.492	11.345.726.492	0,057	6 (M)
0001014333300	VND	11.108.520.000	11.108.520.000	0,046	12 (M)
00010327640771	VND	150.764.383.562	150.764.383.562	0,046	1 (M)
0001032763689	VND	135.000.000.000	135.000.000.000	0,060	3 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

.....

.....

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ
010/33/16/591	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	10.000.000.000
010/33/20/295TH	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	5.000.000.000
010/33/20/295TH	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do VCB phát hành	4.000.000.000
010/33/20/347TH-DTTVIN	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do VCB phát hành	135.000.000.000
010/33/20/347TH-DTTVIN	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do VCB phát hành	2.500.000.000
110/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	10.000.000.000
110/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	30.000.000.000
236/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	6.485.040.720
236/HM22-NAN	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do VCB phát hành	20.000.000.000
236/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	28.000.000.000
236/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	150.000.000.000
268/DTDA18/NAN.KHDN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	15.000.000.000
268/DTDA18/NAN.KHDN	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn do VCB phát hành	10.600.000.000
283/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	144.138.800.000

283/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	59.128.506.932
283/HM22-NAN	Tiền trên tài khoản thanh toán tại VCB	3.983.330.000
283/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	38.828.850.312
283/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	11.139.088.766
283/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	52.300.000.000
283/HM22-NAN	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	52.782.246.131
282/LC22-NAN	Tiền trên tài khoản thanh toán tại VCB	88.769.816.936

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
✓ 010/33/20/295TH	1014765977	VND	39.342.857.140	39.342.857.140	83 (M)
✓ 010/33/20/347TH-DTTVIN	1015502321	VND	439.999.999.998	439.999.999.998	60 (M)
✓ 141/HDTD21.NAN	1020962936	VND	406.000.000	406.000.000	60 (M)
✓ 322/HDTD2021/NAN	1023433536	VND	130.000.000.000	130.000.000.000	60 (M)
✓ 110/HM22-NAN	1031684198	VND	8.085.141	8.085.141	89 (D)
✓ 110/HM22-NAN	1031814236	VND	1.740.472	1.740.472	89 (D)
✓ 236/HM22-NAN	1032335578	VND	11.000.000	11.000.000	89 (D)
✓ 258/DADT22-NAN	1032784151	VND	45.798.313.917	45.798.313.917	48 (M)
✓ 236/HM22-NAN	1033134073	VND	63.847.344.758	63.847.344.758	89 (D)
✓ 236/HM22-NAN	1033378377	VND	96.945.585.508	96.945.585.508	89 (D)
✓ 236/HM22-NAN	1033468605	VND	98.381.752.091	98.381.752.091	89 (D)
✓ 236/HM22-NAN	1033588335	VND	100.220.416.410	100.220.416.410	89 (D)
✓ 283/HM22-NAN ✓	1033852701	VND	110.625.991.068	110.625.991.068	89 (D)
✓ 283/HM22-NAN ✓	1033887413	VND	111.408.333.551	111.408.333.551	89 (D)
✓ 283/HM22-NAN ✓	1034014912	VND	118.532.191.323	118.532.191.323	89 (D)
✓ 010/33/16/591	108000036486	VND	209.654.000.000	209.654.000.000	144 (M)
✓ 268/DTDA18/NAN.KHDN	108000045161	VND	279.758.101.401	279.758.101.401	144 (M)
✓ 010/33/19/95TH	108000048040	VND	405.000.000	405.000.000	60 (M)
✓ 010/33/19/244TH	108000048581	VND	586.500.000	586.500.000	60 (M)

✓ 010/33/19/338TH	108000049376	VND	418.200.000	418.200.000	60 (M)
010/33/19/555TH	108000050622	VND	216.000.000	216.000.000	60 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

BH 60%

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
IGT2213804	1547301	VND	3.000.000.000	3.000.000.000	Bảo lãnh khác
IGT2248947	1770455	VND	26.000.000	26.000.000	Bảo lãnh khác
ILC2209865	1592776	VND	59.315.708.014	59.315.708.014	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng

ILC2209868	1592776	VND	37.774.247.971	37.774.247.971	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2209994	1592776	VND	118.004.489.649	118.004.489.649	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2210467	1592776	VND	99.994.523.485	99.994.523.485	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2210656	1592776	VND	96.385.914.119	96.385.914.119	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2210820	1592776	VND	93.955.473.635	93.955.473.635	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211063	1592776	VND	161.316.025.462	161.316.025.462	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211416	1592776	VND	102.102.443.320	102.102.443.320	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211653	1592776	VND	111.828.164.765	111.828.164.765	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211749	1752774	VND	84.725.044.438	84.725.044.438	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211750	1752774	VND	61.425.317.408	61.425.317.408	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2211752	1592776	VND	109.729.754.129	109.729.754.129	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2212269	1752774	VND	120.649.045.815	120.649.045.815	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2212555	1752774	VND	114.073.732.709	114.073.732.709	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2213064	1752774	VND	403.542.410.237	403.542.410.237	Chấp nhận thanh toán thư tín dụng
ILC2213704	1752774	VND	96.186.890.045	96.186.890.045	Thư tín dụng
ILC2213919	1752774	VND	96.186.890.045	96.186.890.045	Thư tín dụng
ILC2214307	1752774	VND	88.491.249.739	88.491.249.739	Thư tín dụng
ILC2214367	1818888	VND	92.557.688.256	92.557.688.256	Thư tín dụng
ILC2214549	1818888	VND	82.731.057.747	82.731.057.747	Thư tín dụng
ILC2214962	1818888	VND	88.769.816.936	88.769.816.936	Thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *ES01*

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Thị Thành
Đúng [] Không đúng []

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

(điền tên chức vụ GD/PGD CN)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh



⑧

Preparer : QTN

EH 602.8

Reviewer : HTH

N 301.8

Referencing date : 28.03.2023

Z 301.8

Section : N, EH, OBS



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CTCP DAU TU VA XAY DUNG DIEN LONG HOI

Địa chỉ: Phòng Kế toán, 926 Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chi nhánh Ngân hàng: Ba Đình

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

VCB 31.12.2022 - N customer - ANP

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001018145843	VND	389,239,017	389,239,017	0.2
0001021223278	VND	14,640,005	14,640,005	0.2

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N 301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

AK

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/2021/DTDA/VCBBD-LH	1020570099	VND	278,720,000,000	278,720,000,000	180 (M)
02/2021/DTDA/VCBBD-LH	1021870199	VND	90,949,595,244	90,949,595,244	120 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
ILC2103379	1179572	USD	541,597.60	12,765,455,432.00	Thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Z301

2437
TIN HÀNG
LÃI MÃI CỘ
THƯƠNG VIỆ
HÌ NHÁNH
BA ĐÌNH
VĨ KIẾM T

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần **Chung niềm tin vững tương lai** cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
 Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
 Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
 Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
 Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
 Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022
 Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào

Xác nhận của Quý khách hàng []
 (Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
 Đúng [] Không đúng []

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đào Hoài Nam

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
 M.S.C.N-0100112437-052
 NGÂN HÀNG
 THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
 NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
 CHI NHÁNH
 BA ĐÌNH
 Q. HOÀN KIẾM TP.HÀ NỘI
 (diễn tên chức vụ GĐ/PGĐ CN)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Thị Thục Oanh



9

Preparer : GTTN

Reviewer : HTH

Referencing date : 28.03.2023

Section : N

N301. 9



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT CP TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 44 Đức Giang, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Chi nhánh Ngân hàng: Sở giao dịch

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000003016729	USD	443	10.441.510	0,0%
0000000695726	VND	4.283.645.870	4.283.645.870	0,2%
0001030928888	VND	6.926.177	6.926.177	0,2%

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001029760318	VND	16.000.000.000	16.000.000.000	6,0%	12 (M)
0001031523630	VND	85.000.000.000	85.000.000.000	7,3%	13 (M)
0001029784601	VND	70.000.000.000	70.000.000.000	6,0%	12 (M)
0001033264628	VND	40.000.000.000	40.000.000.000	6,0%	1 (M)
0001032206146	VND	25.000.000.000	25.000.000.000	7,3%	13 (M)
0001033116274	VND	250.000.000.000	250.000.000.000	6,0%	1 (M)
0001032943147	VND	90.000.000.000	90.000.000.000	6,0%	1 (M)
0001032274251	VND	50.000.000.000	50.000.000.000	7,3%	13 (M)
0001033508932	VND	65.000.000.000	65.000.000.000	6,0%	1 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ
HDLCTL 2212917	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	9,643,421,053
HDLCTL 2212951	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	967,105,264
HDLCTL 2214256	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	4,690,000,000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

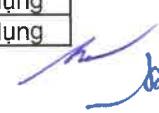
Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
ILC2214256	1823822	USD	178,190	4,199,938,300	Thư tín dụng
ILC2212917	1784660	USD	366,450	8,637,226,500	Thư tín dụng
ILC2212951	1784765	USD	1,750	41,247,500	Thư tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

2501



Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Preparer : QTTN

Reviewer : HTH

Referencing date: 08/03/2023

Section : NIEN, OBS

EH602.10

N301.10

Z301.10

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: CONG TY CP SAVICO HA NOI

Địa chỉ:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Đề việc kiểm toán tiền hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
Chương Dương	0000009590115	VND	1,491,336,253	1,491,336,253	0.20

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
Chương Dương	0001025776479	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	3.80	3 (M)
Chương Dương	0001030027372	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	4.60	1 (M)
Chương Dương	0001025776603	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	3.80	3 (M)
Chương Dương	0001025776822	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	3.80	3 (M)
Chương Dương	0001025776721	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	3.80	3 (M)
Chương Dương	0001029667256	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	4.60	1 (M)
Chương Dương	0001030027426	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	4.60	1 (M)
Chương Dương	0001031238299	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	5.10	3 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

✓ ✓

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
Bắc Hà Nội	01/16/DH/VCB-SVC.SS	948000005435	VND	23,250,000,000	23,250,000,000	144 (M)
Chương Dương	01/16/DH/VCB.CD-SVCH	548000022309	VND	131,750,000,000	131,750,000,000	144 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): EH 602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Chi nhánh Vietcombank	Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Chi nhánh Vietcombank	Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
Chương Dương	054300361800380	672399	VND	1,691,027,117	1,691,027,117	Bảo lãnh khác

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): Z301

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Một số số dư sẽ do Ngân hàng phân bổ nội bộ cho các Chi nhánh thuộc Ngân hàng, nếu phát sinh trường hợp này, nhờ Quý khách hàng xác nhận số dư tổng thực tế phát sinh của Quý khách hàng tại Ngân hàng.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email:
Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Trước ngày 06 tháng 03 năm 2023

Điện thoại:

Người nhận:

Thời gian gửi:

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Xác nhận của Quý Khách hàng []

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [] Không đúng []

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀO CHIẾN THẮNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Minh



Preparer: QTN
 Reviewer: HTH
 Reference date: 28/03/2023
 Section

THƯ XÁC NHẬN

EH 602.11

N301.11

Z301.11

Vietcombank

Chung niềm tin vững tương lai

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: CONG TY CP THEP HOA PHAT HAI DUONG

Địa chỉ: KHU DAN CU HIEP THUONG P.HIEP SON THI XA KINH MON HAI DUONG

Chi nhánh Ngân hàng Thành Công

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000012681739	VND	27,522,265,521	27,522,265,521	0.200
0000012683733	USD	299,317.15	7,054,905,226	0.000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

.....

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng: Không có

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/22/HM/4234282	1031091809	VND	25,000,000,000	25,000,000,000	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030900712	VND	173,584,822,681	173,584,822,681	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031236372	VND	9,582,219,459	9,582,219,459	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031068013	USD	3,347,967.70	78,911,598,689.00	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030118548	VND	130,000,000,000	130,000,000,000	175 (D)

EH 602

01/22/HM/4234282	1031408326	VND	35,032,439,028	35,032,439,028	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031187281	VND	31,239,592,212	31,239,592,212	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031102589	VND	208,982,309,687	208,982,309,687	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030706932	VND	38,097,322,701	38,097,322,701	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030989986	VND	3,057,548,155	3,057,548,155	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030926674	VND	33,017,648,638	33,017,648,638	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030349099	VND	6,024,817,232	6,024,817,232	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030433504	VND	259,118,550,820	259,118,550,820	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031062359	VND	69,688,126,690	69,688,126,690	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031270040	VND	2,303,935,500	2,303,935,500	175 (D)
01/22/HM/4234282	1031298376	VND	47,498,611,902	47,498,611,902	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030956470	VND	3,355,427,395	3,355,427,395	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030061932	VND	384,553,765,754	384,553,765,754	175 (D)
01/22/HM/4234282	1030781388	VND	135,563,602,988	135,563,602,988	175 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
IGT2260667	1633165	VND	2,000,000,000	2,000,000,000	Bảo lãnh khác
IGT2263451	1834358	VND	33,000,000,000	33,000,000,000	Bảo lãnh khác
IGT2061323	995374	VND	45,000,000,000	45,000,000,000	Bảo lãnh khác

2301



Vietcombank

Chung niềm tin vững tương lai

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Điện thoại:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Người nhận:

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng



(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [] Không đúng []

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thùy Đỗ Thị Thảo

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



(điền tên chức vụ GĐ/PGĐ CN)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mai Ngà

12

Preparer
ReviewerQTN
HTH

Referencing date : 28.03.2023

Section : N, EH

EH 602.12
N301-12

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM

Địa chỉ:

KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, VN

Chi nhánh Ngân hàng: Vietcombank CN Đồng Nai

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Đã việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000012748992	VND	1	1	0.002
0000005349497	VND	416,833,175,554	416,833,175,554	0.002
0001023360628	VND	106,952	106,952	0.002
0000008239097	USD	0.1	2,357.0	0.000

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

M.S.C.N. 01
TP

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
2022069/HDHM/QLN	1033017638	VND	58,000,000,000	58,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032660577	VND	103,000,000,000	103,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032691169	VND	63,000,000,000	63,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032560118	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	175 (D)
2021074/HDHM/QLN	1029997739	VND	555,000,000,000	555,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032726689	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032821168	VND	184,000,000,000	184,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1031953616	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032935869	VND	24,000,000,000	24,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032772627	VND	40,000,000,000	40,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1031358948	VND	667,000,000,000	667,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032620405	VND	185,000,000,000	185,000,000,000	175 (D)
2021074/HDHM/QLN	1029573469	VND	774,000,000,000	774,000,000,000	179 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032523889	VND	115,000,000,000	115,000,000,000	175 (D)
2022069/HDHM/QLN	1032493339	VND	95,000,000,000	95,000,000,000	175 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực截至 21 tháng 10
2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
--------------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	---------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email:
Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



(13)

Preparer : QTN

EH 602.13

Reviewer : HTH

N 301. 13

Referencing date: 28.03.2023

Section : N, EH



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 27 Tháp A - Tòa nhà EVN, Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình, Hà Nội

Người nhận: Bà Hoàng Thanh Thủy - Ban Tài chính kế toán (L/h: 0948.199.275)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0011000018285	VND	2,257,224,530	2,257,224,530	0.2%
1024356902	VND	10,334,523,940	10,334,523,940	0.2%
0611000181818	VND	8,507,227,861	8,507,227,861	0.2%
0681000002628	VND	6,594,809,247	6,594,809,247	0.2%
Tổng cộng		27,693,785,578	27,693,785,578	

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
1022353636	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	3.7%	6 (M)
1032707854	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	5.8%	6 (M)
1032707944	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	5.1%	3 (M)
1015699807	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	3.7%	6 (M)
1034037792	VND	145,000,000,000	145,000,000,000	1.0%	1 (M)
1034091415	VND	269,000,000,000	269,000,000,000	3.7%	6 (M)
1033414387	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	4.6%	1 (M)
1022574246	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	3.7%	6 (M)
1022574185	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	3.7%	6 (M)
0315000010358	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	4.2%	6 (M)
1013555306	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	4.2%	6 (M)
1015708829	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	3.7%	6 (M)
1022352229	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	3.7%	6 (M)
1032705395	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	5.1%	3 (M)
1032705538	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	5.8%	6 (M)
1018454524	VND	370,000,000,000	370,000,000,000	3.7%	6 (M)
1033270379	VND	500,000,000,000	500,000,000,000	4.6%	1 (M)

N
THỨ
Q.HÓA
★ M.S.D.N.01

1016349295	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	3.7%	6 (M)
1016349580	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	3.7%	6 (M)
1032707446	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	5.8%	6 (M)
1032843316	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	4.6%	2 (M)
1032465331	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	5.8%	6 (M)
1033423505	VND	500,000,000,000	500,000,000,000	5.1%	3 (M)
1032707935	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	5.1%	3 (M)
1018455970	VND	500,000,000,000	500,000,000,000	3.7%	6 (M)
1032843376	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	5.8%	6 (M)
975000017164	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	3.7%	6 (M)
1033628967	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	5.8%	6 (M)
1018624918	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	3.7%	6 (M)
1018976100	VND	200,000,000,000	200,000,000,000	3.7%	6 (M)
Tổng cộng	VND	6,484,000,000,000	6,484,000,000,000		

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng: Không có

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng: Không có

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/2013/HDTD/LC-VCB (*)	VND	4,649,909,696,289	4,649,909,696,289	180 (M)
Tổng cộng	VND	4,649,909,696,289	4,649,909,696,289	

(*) Bao gồm tổng dư nợ của EVN tại Vietcombank và các Ngân hàng đồng tài trợ, trong đó:

Dư nợ tại Vietcombank là: 2,084,431,105,222 VND

Dư nợ tại các Ngân hàng đồng tài trợ là: 2,565,478,591,067 VND

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng: Không có

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng: Không có

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng: Không có

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: Không có

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
 Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
 Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
 Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
 Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
 Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2023
 Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý Khách hàng
 KẾT TỔNG GIÁM ĐỐC
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 TẬP ĐOÀN
 ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
 EVN
 (Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
 Đúng [] Không đúng []

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
 NGÂN HÀNG
 THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
 NGOẠI THƯƠNG
 VIỆT NAM
 PHẠM ANH THÁI
 Phạm Anh Thái
 Phó Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn



(14)

Preparer QTTN

Reviewer HTH

Referencing date: 28.03.2023

Section N/EH

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT CP DIEN GIO BT2

Địa chỉ: 81 Phan Bội Châu, phường Đồng Hải, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Chi nhánh Ngân hàng: Quảng Bình

EH 602.14

N 602.14

THƯ XÁC NHẬN

Vietcombank

Together for the future

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001025274991	VND	18.020.000.000	18.020.000.000	0,062	12 (M)
0001025332315	VND	1.500.000.000	1.500.000.000	0,062	12 (M)
0001024672424	VND	1.389.000.000	1.389.000.000	0,062	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

NSY

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

W

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/DA-0050/KHDN/20DH	1021215216	VND	227.822.576.196	227.822.576.196	168 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): **EH 602**

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

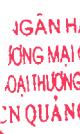
Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:












Vietcombank

Together for the future

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Thời gian gửi:

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



(Ghi rõ tên chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [] Không đúng []



(điền tên chức vụ GD/PGĐ CN)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Bình



Preparer : GTTN
 Reviewer : HTT
 Reference date : 28.03.2023
 Section N/EH

EH602.15
 N301.15

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT CP THIEN TAN SOLAR NINH THUAN

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng: Bình Tây (Nay là Sài Gòn Chợ Lớn)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000007803299	VND	593,861,089	593,861,089	0.002
0000005044203	VND	6,688,813	6,688,813	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *Ngân hàng*

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBD	Giá trị TSBD

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
280C19	258000067452	VND	643,393,435,950	643,393,435,950	144 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *EH602*

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):



(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
--------------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	---------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

Điện thoại:

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Người nhận:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Thời gian gửi:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Thứ hai, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Gửi tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng

GIÁM ĐỐC

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [] Không đúng []

(điền tên chức vụ GĐ/PGĐ CN)

Bùi Trần Mâng



Preparer - QTTN

Reviewer : HTH

Referencing date: 28. 03. 2023

Section : N.EH

EH 602.16

N301. 16

Vietcombank
Together for the future

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH CHUNG KHOAN SHINHAN VIET NAM
P2201 lầu 22 và P805 lầu 8, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Võ Thị Sáu,
Địa chỉ: Q3 TP.HCM (Ms.Thúy Vy - SĐT: 02862997501)
Chi nhánh Ngân hàng: Sài Gòn (Bến Thành)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001001008686	VND	14,277,256	14,277,256	0.200

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001029491228	VND	30,000,000,000	30,000,000,000	5.000	12 (M)
0001029490953	VND	30,000,000,000	30,000,000,000	5.000	12 (M)
0001033134643	VND	2,010,191,781	2,010,191,781	6.000	1 (M) ✓
0001029491126	VND	30,000,000,000	30,000,000,000	5.000	12 (M)
0001029491038	VND	30,000,000,000	30,000,000,000	5.000	12 (M)
0001033134791	VND	78,397,479,452	78,397,479,452	6.000	1 (M) ✓
0001029616484	VND	30,000,000,000	30,000,000,000	5.000	12 (M) ✓

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ
0065/SGN.KHDN/LD22	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	30,000,000,000
0065/SGN.KHDN/LD22	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	30,000,000,000
0065/SGN.KHDN/LD22	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	30,000,000,000
0065/SGN.KHDN/LD22	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	30,000,000,000
0065/SGN.KHDN/LD22	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	30,000,000,000
0065/SGN.KHDN/LD22	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	78,397,479,452
0365/SGN.KHDN/LD22-UTDT	Tiền gửi có kỳ hạn tại VCB	2,010,191,781

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *N/A*

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
0065/SGN.KHDN/LD22	1033956588	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	178 (D)
0065/SGN.KHDN/LD22	1032932026	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	178 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *EH 602.*

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
0365/SGN.KHDN/LD22-UTDT	1033339250	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	178 (D)
0384/SGN.KHDN/LD22 (UTCV)	1033763294	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	178 (D)
0365/SGN.KHDN/LD22-UTDT	1033500843	VND	140,000,000,000	140,000,000,000	178 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email:
Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

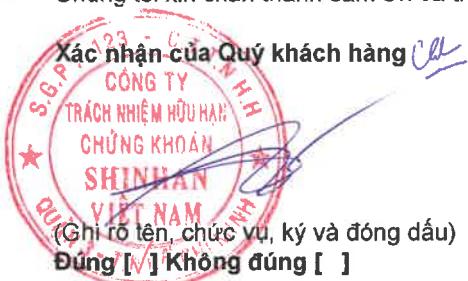
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Võ Bảo Huy



(A)

Preparer : QTTN
 Receiver : HTH
 Retraining date : 28.03.2023
 Section N, EM

ET 602.17
 NS01 - 17



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT CP DIEN GIO BT2
 Địa chỉ: 81 Phan Bội Châu, Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
 Chi nhánh Ngân hàng: Kỳ Đồng

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001014709490	VND	30.965.266.958	30.965.266.958	0,20

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): **N/A**

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001021794353	VND	2.135.000.000	2.135.000.000	4,60	12 (M)
0001020470354	VND	13.550.000.000	13.550.000.000	4,10	6 (M)
0001025923491	VND	1.240.000.000	1.240.000.000	4,60	12 (M)
0001022813392	VND	15.676.000.000	15.676.000.000	4,70	12 (M)
0001028107552	VND	28.504.000.000	28.504.000.000	4,60	12 (M)
0001021214995	VND	12.553.000.000	12.553.000.000	4,60	12 (M)
0001022632507	VND	721.000.000	721.000.000	4,70	12 (M)
0001021590225	VND	1.458.000.000	1.458.000.000	4,60	12 (M)
0001022112393	VND	510.000.000	510.000.000	4,60	12 (M)
0001022412812	VND	28.260.000.000	28.260.000.000	4,70	12 (M)
0001022195737	VND	4.195.000.000	4.195.000.000	4,60	12 (M)
0001022245127	VND	1.168.000.000	1.168.000.000	4,70	12 (M)
0001020914729	VND	1.120.000.000	1.120.000.000	4,60	12 (M)
0001022730456	VND	575.000.000	575.000.000	4,70	12 (M)
0001021343738	VND	2.732.000.000	2.732.000.000	4,60	12 (M)
0001022564642	VND	90.000.000	90.000.000	4,70	12 (M)
0001020651869	VND	1.950.000.000	1.950.000.000	4,60	12 (M)
0001022421220	VND	354.000.000	354.000.000	4,70	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): **N/A**



(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022421303	VND	5.848.248.120	5.848.248.120	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1020915403	VND	21.238.000.000	21.238.000.000	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1021796511	VND	35.296.049.360	35.296.049.360	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022808091	VND	259.453.073.881	259.453.073.881	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1021347152	VND	45.198.050.040	45.198.050.040	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1021215134	VND	207.748.363.680	207.748.363.680	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1020651404	VND	36.008.400.000	36.008.400.000	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022114924	VND	8.417.346.080	8.417.346.080	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022198044	VND	69.404.375.043	69.404.375.043	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1024686458	VND	22.979.871.201	22.979.871.201	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022411602	VND	492.564.460.775	492.564.460.775	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022726998	VND	9.488.879.401	9.488.879.401	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022625504	VND	11.928.876.960	11.928.876.960	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1025922980	VND	20.501.143.520	20.501.143.520	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022245324	VND	19.313.419.840	19.313.419.840	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1021591820	VND	24.115.954.720	24.115.954.720	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1025331938	VND	322.531.529.320	322.531.529.320	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1022563091	VND	1.433.014.441	1.433.014.441	168 (M)
01/DA-0050/KHDN/20DH	1020475984	VND	267.681.817.135	267.681.817.135	168 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chung tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

.....

Xác nhận của Quý khách hàng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

18

Preparer : QTTN
 Reviewer : HTH
 Refrencing date : 08.03.2023
 Section : N

N301.18

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CONG TY CO PHAN THUY DIEN TRUNG NAM

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng: Sài Thành (Quận 5)

Vietcombank
Chung niềm tin vững tương lai

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001020387226	VND	485,533	485,533	0.2

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

M.S.D.N: 58
C
C
T
H.DI

M.S.C.N: 010
THỨ
NG
QUẦN



Vietcombank

Chung niềm tin vững tương lai

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Điện thoại:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Người nhận:

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Xác nhận của Quý khách hàng

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [] Không đúng []

GIÁM ĐỐC
Đỗ Văn Kiên



Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

PHÓ GIÁM ĐỐC
(điền tên chức vụ GĐ/PGD CN)

Bùi Thị Hoài Thành



(91)

Preparer: QTN
 Reviewer: HTH
 Referencing date: 28.03.2023
 Section: N/EH

EH602.19

N301.19

Ms. 2 - 0302430303


Vietcombank
 Chung niềm tin vững tương lai

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU PHAT TIEN
 Địa chỉ: Số 16 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh
 Chi nhánh Ngân hàng: Tp. HCM

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001012720590	VND	7,977,757,015	7,977,757,015	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....




(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
0094/2138/N-KD/01	1031354812	VND	4,000,000,000	4,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031154299	VND	9,000,000,000	9,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030556015	VND	7,000,000,000	7,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031127596	VND	5,000,000,000	5,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033305791	VND	12,000,000,000	12,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033813191	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033722840	VND	7,000,000,000	7,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030401561	VND	9,000,000,000	9,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030957226	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030683461	VND	10,000,000,000	10,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030584950	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031091641	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031065413	VND	18,000,000,000	18,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031181004	VND	4,000,000,000	4,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033891518	VND	9,500,000,000	9,500,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033410309	VND	2,000,000,000	2,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033648173	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033748978	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033590740	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033616549	VND	7,000,000,000	7,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031606251	VND	11,000,000,000	11,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033024489	VND	7,000,000,000	7,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033110013	VND	7,000,000,000	7,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030628927	VND	16,000,000,000	16,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030467993	VND	13,000,000,000	13,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030428276	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030308733	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031644430	VND	4,000,000,000	4,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031008933	VND	5,000,000,000	5,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030800159	VND	24,000,000,000	24,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030503742	VND	8,000,000,000	8,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030526580	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031259330	VND	2,000,000,000	2,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033468451	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033845908	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033553633	VND	5,000,000,000	5,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033376735	VND	4,000,000,000	4,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033330630	VND	9,000,000,000	9,000,000,000	178 (D)
0122/2238/N-KD/01	1033187558	VND	16,000,000,000	16,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030824299	VND	11,000,000,000	11,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030340308	VND	8,000,000,000	8,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030369939	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030925419	VND	3,000,000,000	3,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1030653385	VND	9,500,000,000	9,500,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031672509	VND	12,000,000,000	12,000,000,000	178 (D)
0094/2138/N-KD/01	1031233238	VND	6,000,000,000	6,000,000,000	178 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602

mk

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người nhận:

Thời gian gửi:

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022



Đúng [X] Không đúng []

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Preparer : QTN

Reviewer : HTH

Referencing date : dd. 03. 2023

Section N, EH

EH Gal. do

N301. do



Vietcombank
Chung niềm tin vững tương lai

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY TNHH Ô TÔ MITSUBISHI VIỆT NAM
Địa chỉ: PHƯỜNG AN BÌNH, TP DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Chi nhánh Ngân hàng: Thủ Đức

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000001539510	USD	690.16	16,267,071.20	0.000
0000002975539	VND	76,888,096,596	76,888,096,596	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001033901452	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033232594	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033733145	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033992411	VND	300,000,000,000	300,000,000,000	0.045	1 (M)
0001033931014	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	0.045	1 (M)
0001033732643	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033507355	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033855452	VND	110,000,000,000	110,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033686681	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033901518	VND	190,000,000,000	190,000,000,000	0.043	1 (M)
0001033762552	VND	150,000,000,000	150,000,000,000	0.043	1 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH THỦ ĐỨC

Số 50A Đường Đồng Văn Cống, Khu phố 4, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84 - 28) 3896 6806 Fax: (84 - 28) 3897 4176 Website: www.vietcombank.com.vn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
038/016/22/035	1030934276	VND	280,000,000,000	280,000,000,000	175 (D)
038/016/22/035	1031408792	VND	91,000,000,000	91,000,000,000	175 (D)
038/016/22/035	1030588953	VND	135,000,000,000	135,000,000,000	175 (D)
038/016/22/035	1031267166	VND	494,000,000,000	494,000,000,000	175 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

T.NHH
TƯƠNG THƯƠNG

Địa chỉ: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022
Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



[Signature]



Công ty TNHH Ô Tô Mitsubishi Việt Nam
muốn gửi rõ thêm số tài khoản tiền gửi
không ký hạn hiện đang sử dụng là:
0181370004863 USD
0181.000001185 VND

Hồ Việt Bội Lan

TRƯỞNG PHÒNG DVKH



21
 8A
 Preparer : QTTN
 Reviewer : HTH
 Reference date : 28.03.2023
 Section : N, EH

EH 602.21
 N 301.21



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

Địa chỉ: Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Chi nhánh Ngân hàng: Sở giao dịch

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0011004426199	VND	60.286.376.697	60.286.376.697	0,2
0001026036666	VND	671.506	671.506	0,2

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

.....

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBD	Giá trị TSBD

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

JL

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
KH1-220403/HDCVHM.CR	1033999743	VND	990.000.000.000	990.000.000.000	179 (D)
KH1-220403/HDCVHM.CR	1034033644	VND	990.000.000.000	990.000.000.000	179 (D)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

J/K

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
 Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
 Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
 Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
 Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com
 Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022
 Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng



Nguyễn Anh Tuân
 (Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
 Đúng Không đúng

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Việt Hoàng

EH 602. de

MS01. dd



Vietcombank
Together for the future



Preparer : QTTN
Renewer HTH
Renewal date: 28.03.2023
Location : N, EH

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DIEN MAT TROI TRUNG NAM THUAN NAM

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng: Hoàng Mai

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001001888999	VND	2.734.596.170	2.734.596.170	0,200

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N/A

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N/A

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HDTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N/A

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/20/CV/DADT/VCB.HG M-TNTNSP	1016916113	VND	1.364.808.800.000	1.364.808.800.000	100 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *EH 602*

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

62239

ÔNG T
TNHH
MATTI
VG NA
JANNA

IM - TN

2408
BẢN HÀN
H G MAI CÔ
HAI THU
VIỆT NĂ
HÍ NHÁ
HOANG N
TRUNG

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

Điện thoại:

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng

Kế Toán Trưởng

Lê Thị Bích Huyền
Đúng [✓] Không đúng []



GIÁM ĐỐC
Phạm Thị An Bình



Preparer : QTN

Reviewer: HTT

Referencing date : 28.3.2023

Section : EH, N,

EH02.83

N301. 23



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH MTV TASCO HAI PHONG

Vũ Thị Loan - 093.666.3384/Tầng 20 tòa nhà Tasco, lô HH2-2, đường Phạm Hùng, Phường

Địa chỉ: Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Chi nhánh Ngân hàng: Hà Nội

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng: VCB 31.12.2022 - N customer-A

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001025043238	VND	6,454,197	6,454,197	0.20%
0021000030485	VND	5,636,728,925	5,636,728,925	0.20%

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):



(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

VCB 31.12.2022 - EH section : Loan to customer - QTN

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/15/DTT/VCB-TASCO	28000075174	VND	1,834,103,245,314	1,834,103,245,314	216 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 802

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2301

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người nhận:

Thời gian gửi:

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Xác nhận của Quý khách hàng

NHÂN DỊCH VỤ
TNHH
MỘT THÀNH VIỆN
TASCO
HẢI PHÒNG
H. TIẾP XUẤT
LÀNG GIÁM ĐỐC
(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [] Không đúng []

Phạm Đức Minh

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thị Hồng Vân



Preparer : QTIN

Reviewers HTH

Referencing date : 28/03/2023

Section N

EH 602.24

N301. 24

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CONG TY CO PHAN THUY DIEN TRUNG NAM

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng Lâm Đồng (Đà Lạt)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001026267671	VND	14,871,055	14,871,055	0.002
0001034013051	VND	18,718,102,564	18,718,102,564	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):



(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

EH 602

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
009/TDN/22CD	1027155	VND	398,175,438,586	398,175,438,586	144 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với số liệu của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

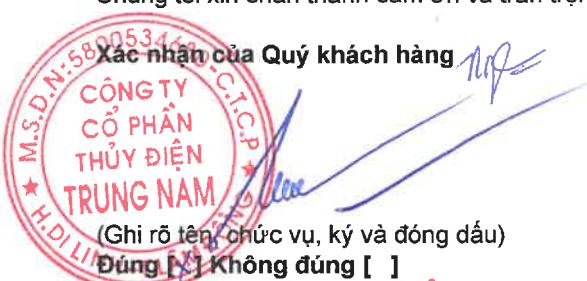
Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



(Ghi rõ tên/ chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [] Không đúng []

Đỗ Văn Kiên



Preparer : QTTN
 Reviewer : HTT
 Reference date : 28.03.2023
 Section : N

N301.25



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH BAO HIEM NHAN THO SUN LIFE VN
Địa chỉ: L29, VIETCOMBANK TOWER, 5 CONG TRUONG ME LINH P BEN NGHE Q1 HCM
Chi nhánh Ngân hàng: Tp. HCM

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000008992869	VND	5,264,222,003	5,264,222,003	0.2
0000011123167	VND	234,569,515	234,569,515	0.2

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): *N/A*

.....

.....

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng



(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng Không đúng



Matthew Mohr
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, TÀI CHÍNH



PHÓ GIÁM ĐỐC

(diễn tên chức vụ GĐ/PGĐ CN)

Bùi Văn Khanh



Preparer : QTN

Renewer HTH

Referencing date : 28.03.2023

Section : N

N301. 27.

Vietcombank
Together for the future

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: TONG CONG TY PHAT DIEN 2 - CTY CO PHAN

Địa chỉ: 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, Cần Thơ (Ms. Kiều - Ban TCKT)

Chi nhánh Ngân hàng: Sài Gòn (Bến Thành)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
033100788888	VND	4,975,230,567	4,975,230,567	0.200

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001034007188	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	6.200	12 (M)
0001034007466	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	6.200	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

M.S.D.N:18
TỔ
PI
Q.BINH

M.S.C.H: 0
TH
NG
DƯƠNG

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

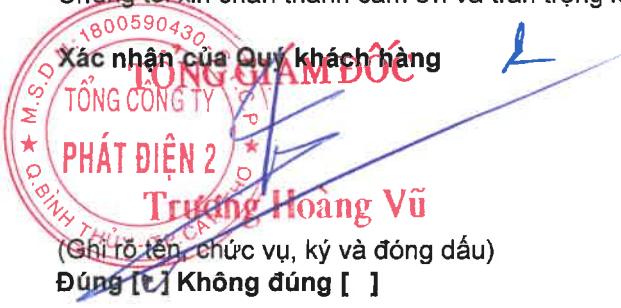
Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [] Không đúng []



Preparer : QTTN
 Reviewer : HTH
 Reference date : 28/03/2023
 Section N

N301.28



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2- CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 1 LÊ HỒNG PHONG, PHƯỜNG TRÀ NÓC, QUẬN BÌNH THỦY, TP.CẦN THƠ

Chi nhánh Ngân hàng: Tây Cần Thơ

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0391006669999	VND	52,329,757,243	52,329,757,243	0.2
0001020678679	VND	7,468,943,896	7,468,943,896	0.2
0001020676869	VND	440,604,893	440,604,893	0.2

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
1027204578	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	4.6	12 (M)
1033853864	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	5.8	271 ngày
1027205453	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	4.6	12 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
.....
.....
.....

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBD	Giá trị TSBD
.....

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

.....

(c) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.cy.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 13 tháng 02 năm 2023

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY
PHÁT TRIỂN VĂN DỰ
(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Mã số: 0100112437-01
**NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
 NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
 CHI NHÁNH
 TÂY CĂN THƠ**
(biên tên chức vụ GD/PGD CN)

Nguyễn Đăng Hộ



Preparer: QTTN
Reviewer: HTH
Rekrenang date: 28.03.2023
Section: N

N301.09



Vietcombank

Chung niềm tin vững tương lai

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU PHAT TIEN

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng: Tây Sài Gòn

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0000004865615	VND	1,379,127,445	1,379,127,445	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng): N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN
ĐÃ TRẢ TIỀN
* PAID *

✓

M.S.C.N.0100112
NGÂN
TMCP NGO
VIỆ
CHI
TÂY
BÌNH CHÁI

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN

321-323-325 Phạm Hùng, KDC HIMLAM, Ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM
Điện thoại (84-8) 37589297 - Fax (84-8) 37589298 - Swift Code: BFTV VNVX - www.vietcombank.com.vn

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người nhận:

Thời gian gửi:

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Đúng [] Không đúng []

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2023

**KI GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



(diễn tên chức vụ GĐ/PGĐ CN)

Trịnh Ngọc Hoàng



30

Preparer: QTTN
 Receiver: HTH
 Referencing date: 28.03.2023
 Section: N

N301.30



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức,

Địa chỉ: Tỉnh Long An

Chi nhánh Ngân hàng: Thanh Xuân

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0711000248325	VND	226,263,227	226,263,227	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N601

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HDTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Điện thoại:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Người nhận:

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý Khách hàng

Nguyễn Anh Tuấn
 (Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
 Đúng [] Không đúng []

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Phạm Thùy Dương

Preparer: QTN
 Reviewer: HTT
 Referencing date: 28.05.2023
 Section: N

N501. 31

HBT

THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CT TNHH CHUNG KHOAN SHINHAN VIET NAM

Địa chỉ:

Chi nhánh Ngân hàng: Tân Định

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001007797979	VND	156,093,790	156,093,790	0.002

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N501

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):



(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
---------	------------------	-----------	-----------------	---------------	--------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi
---------	-----------	-----------------	---------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn
---------	--------------	-----------	-------	----------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng
-----------------------------	---------	-----------	-----------------	---------------	------------------------

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

.....

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Xác nhận của Quý khách hàng

CUNG CẤP

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

CHỨNG KHOÁN

SHINHAN

VIỆT NAM

QUÂN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [] Không đúng []



Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

NGÂN HÀNG
TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM
CHI NHÁNH
TÂN ĐỊNH

(diễn tên chức vụ GĐ/PGĐ CN)

Lê Minh Mỹ



Preparer: QTN

Reviewer: HTH

Referencing date: 08.03.2023

Section: N, EH

EH 602.32

N 301.32



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: TCT XÂY DỰNG SÀI GÒN - TNHH MTV
Địa chỉ: 18A Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM
Chi nhánh Ngân hàng: Sài Gòn (Bến Thành)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Để việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi không có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)
0001017472917	VND	1,845,839	1,845,839	0.200
0331002009999	VND	71,714,215,208	71,714,215,208	0.200

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(b) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn
0001033841321	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	0.074	6 (M)
0001032402334	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	0.051	3 (M)
0001032727885	VND	80,000,000,000	80,000,000,000	0.057	6 (M)
0001033509226	VND	100,000,000,000	100,000,000,000	0.074	6 (M)
0001033843638	VND	20,000,000,000	20,000,000,000	0.050	1 (M)
0001034013971	VND	50,000,000,000	50,000,000,000	0.083	6 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

N301

(c) Số dư của tất cả các tài khoản tiền gửi cho mục đích đặc biệt, tiền gửi ký quỹ của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số tài khoản	Loại tiền tệ	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn

(d) Số dư tiền gửi có nghĩa vụ bảo đảm của Quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD/Số Ref	Loại TSBĐ	Giá trị TSBĐ

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(e) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM – SAI GON BRANCH
Add: 69 Bui Thi Xuan St, Pham Ngu Lao Ward, Dist 1, Ho Chi Minh City Tel: (028) 3835 9323, 3925 6088 Fax: (028) 3832 5041

Website: www.vietcombank.com.vn

M.S.C.N. O
TH
NG
QUẢN

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
0105/SGN.KHDN/CD21	1020687706	VND	75,000,000,000	75,000,000,000	36 (M)

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH 602

(f) Số dư tài khoản tiền vay bằng nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản vay	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(g) Số dư thẻ công ty của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(h) Số dư trái phiếu của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số HĐTD	Số tài khoản	Loại tiền	Số dư	Thời hạn

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

(i) Số dư cam kết bảo lãnh và thư tín dụng của Quý khách hàng tại Ngân hàng còn hiệu lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Số dư bảo lãnh/thư tín dụng	Số HĐTD	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Loại hình cấp tín dụng

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch.

Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022.

Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

0111
- CÂN
NG MÃ
THƯỜNG
CHÍNH
SÀI GÒN
TP.HCM

Địa chỉ:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại:

0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận:

Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi:

Trước ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý khách hàng

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [] Không đúng []



Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Bảo Huy



Preparer : QTTN

Reviewer : HTH

Refractory date: 28.03.2023

Section : EH

EH 602.83



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY THỦY ĐIỆN SƠN LA

Địa chỉ: Số 56 đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Lè, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La

Người nhận: Bà Lý Tiểu Giang - Phòng Tài chính kế toán (L/h: 0904.811.779)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Đề việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý khách hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư tài khoản tiền vay của quý khách hàng tại Ngân hàng:

Số hợp đồng	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
01/2007/NHNT/HDTD-SL	VND	294,481,751,535	294,481,751,535	180 (M)
Tổng cộng	VND	294,481,751,535	294,481,751,535	

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý khách hàng):

EH602

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý khách hàng, đề nghị Quý khách hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý khách hàng ghi rõ nội dung sai lệch. Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý khách hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý khách hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone

16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090

Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh

Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2023

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



Khung Thanh
(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)
Đúng [✓] Không đúng []

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Phạm Anh Thái
Phó Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn

Preparer : QTTN
Reviewer : HTH
Referencing date : 28.3.2023

EH 602.34

Section EH



THƯ XÁC NHẬN

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 06 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Người nhận: Ông Ngô Xuân Hoàng - Phòng KHDN Tập đoàn, Tổng Công ty (L/h: 0367.931.765)

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng/Vietcombank") đang được tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Đề việc kiểm toán tiến hành có hiệu quả, chúng tôi đề nghị Quý Ngân hàng vui lòng xác nhận các số dư tài khoản dưới đây của Ngân hàng vào thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2022:

(a) Số dư tài khoản tiền vay của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Ngân hàng: Theo sổ sách của chúng tôi, số dư tài khoản tại ngày 31/12/2022 của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 Mở rộng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn tại Vietcombank theo nguyên tệ như sau:

Số tài khoản	Loại tiền	Số dư nguyên tệ	Số dư quy đổi	Thời hạn vay
18000222645	VND	421,829,229,802	421,829,229,802	180 (M)
Tổng cộng	VND	421,829,229,802	421,829,229,802	

Lý do chênh lệch về số dư, lãi suất và thời hạn (theo ý kiến của Quý Ngân hàng):

BH602.

Nếu những thông tin trên khớp đúng với sổ sách của Quý Ngân hàng, đề nghị Quý Ngân hàng xác nhận vào phần cuối thư. Trong trường hợp không khớp đúng với sổ sách, xin Quý Ngân hàng ghi rõ nội dung sai lệch. Ngân hàng chúng tôi biết rằng các số dư trên đây có thể được thay đổi sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, nhưng chúng tôi vẫn cần Quý Ngân hàng xác nhận các số dư này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Sau khi xác nhận thông tin, đề nghị Quý Ngân hàng trước tiên scan thư trả lời và gửi vào địa chỉ email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com, sau đó gửi thư trả lời trực tiếp về công ty kiểm toán độc lập như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 0376 064 184 – Fax: 043 8315090
Người nhận: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh
Email: Quynh.t.nguyen2@vn.ey.com

Thời gian gửi: Trước ngày 25 tháng 02 năm 2023

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Xác nhận của Quý Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
 NGOẠI THƯƠNG
 VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ NỘI
HÀ NỘI
P.HA
Q.HOÀN KIẾM

Phó Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn

(Ghi rõ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

Đúng [X] Không đúng []